

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-9-2021

V/v tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Cung

Ông Nguyễn Văn Cử

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Xuân Ngọc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị D, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn K, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị D trình bày:

Năm 2015, chị và anh Nguyễn Văn T đã giải quyết ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 32/2015/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, chị và anh T chỉ thỏa thuận về việc ly hôn và nuôi con còn về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chung sống, chị và anh T có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 115 thuộc tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, có diện tích 180m², thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khản, xã Yên Thắng, huyện Yên

Mô, tỉnh Ninh Bình. Sau khi ly hôn, chị và anh T không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung nên chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của chị và anh T trong thời kỳ hôn nhân gồm: quyền sử dụng thửa đất số 115 thuộc tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, có diện tích 180m², thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khẩn, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Chị đề nghị được nhận ½ diện tích đất để xây dựng nhà giáp với phần đất của anh Nguyễn Văn D, chị không đồng ý nhận bằng giá trị tài sản. Quá trình giải quyết anh T không nhất trí thỏa thuận nên chị đã đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản. Chị đã nộp chi phí tố tụng hết 12.000.000 đồng gồm: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá 9000.000 đồng. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ chị tự nguyện nộp không yêu cầu anh Tùng phải chịu, riêng chi phí thẩm định giá chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị D đã ly hôn với nhau nhưng chưa giải quyết về tài sản chung. Anh xác nhận tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh và chị D là quyền sử dụng thửa đất số 115 thuộc tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, có diện tích 180m², thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khẩn, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Nay chị D yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung anh không đồng ý vì trước khi ly hôn anh và chị D đã thỏa thuận với nhau là để lại toàn bộ tài sản chung cho các con. Do anh không đồng ý chia tài sản nên anh không có trách nhiệm phải nộp các chi phí tố tụng và án phí.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/8/2021, UBND xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cung cấp: thửa đất số 115 thuộc tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, có diện tích 180m², thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khẩn, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình hiện không đăng ký thế chấp, không có tranh chấp với các hộ liền kề, không có biến động về diện tích, số thửa, số tờ bản đồ.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2021 xác định trên thửa đất số 115 thuộc tờ bản đồ số 5 có diện tích 180m² không có công trình trên đất và các tài sản khác gắn liền với đất.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 036/2021/CTTĐG-TRANGAN ngày 26/8/2021 của Công ty TNHH thẩm định giá Tràng An: giá trị quyền sử dụng thửa đất số 115 thuộc tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng với diện tích đất 180m², thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khẩn, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình là: 111.600.000 đồng (một trăm mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Chị D nhất trí với kết quả thẩm định giá còn anh T không đồng ý chia tài sản nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 147, Điều 165, Điều 166; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật Dân sự; Điều 99 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị D; chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Đinh Thị D và anh Nguyễn Văn T là quyền sử dụng diện tích đất 180m² đất ở tại thửa số 115 thuộc tờ bản đồ số 5, thôn Khai Khẩn, xã Yên Thắng, được UBND huyện Yên Mô cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D. Giao cho chị D, anh T mỗi người được sử dụng 90m² đất với các chiều cạnh diện tích đất mỗi người được chia: phía Bắc kích thước 4m tiếp giáp với đường ngõ thôn Khai Khẩn, phía Nam kích thước 4m tiếp giáp thửa đất số 6, phía Đông và Tây dọc theo diện tích đất có chiều dài 22,5m.

- Về chi phí định giá: chị D và anh T phải trả số tiền chi phí định giá là 9.000.000 đồng, mỗi người phải trả 4.500.000 đồng. Do chị D đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá nên anh T có trách nhiệm trả lại cho chị D số tiền 4.500.000 đồng.

- Về án phí: chị D và anh T mỗi người phải chịu 2.790.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị D đã nộp tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng tại biên lai số AA/2021/0006179 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; chị Đinh Thị D còn phải nộp 790.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Đinh Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn T nhưng anh T đã có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Đinh Thị D và anh Nguyễn Văn T đều thống nhất tài sản chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng thửa đất số 115 thuộc tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, có diện tích 180m², thửa đất đã được UBND huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang

tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khản, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình xác định quyền sử dụng thửa đất số 115 là tài sản chung của chị D và anh T trong thời kỳ hôn nhân.

Khi giải quyết ly hôn chị D, anh T chưa giải quyết về tài sản chung, nay chị D yêu cầu chia tài sản chung còn anh T không đồng ý chia vì muốn để lại tài sản chung cho các con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ, chị D cũng không đồng ý với ý kiến này của anh T, tại thời điểm tạo lập tài sản chung các con của chị D, anh T đều còn nhỏ chưa có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bố mẹ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của anh T.

Thửa đất số 115 có diện tích 180m², trên đất không có công trình và tài sản gắn liền với đất nên có thể chia được bằng hiện vật theo quy định tại Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị D, chia cho chị D và anh T mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 115 thuộc tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, đất có diện tích 180m², đã được UBND huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khản, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Giá trị quyền sử dụng đất là 111.600.000 đồng (một trăm mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Việc phân chia cụ thể như sau:

Chị Đinh Thị D được quyền sử dụng 90m² đất trị giá 55.800.000 đồng thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, có kích thước các cạnh:

- + Phía Bắc giáp đường dài 4m;
- + Phía Nam giáp thửa đất lúa dài 4m;
- + Phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn D dài 22,5m;
- + Phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn T dài 22,5m.

Anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 90m² đất trị giá 55.800.000 đồng thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, có kích thước các cạnh:

- + Phía Bắc giáp đường dài 4m;
- + Phía Nam giáp thửa đất lúa dài 4m;
- + Phía Đông giáp đất chị Đinh Thị D dài 22,5m;
- + Phía Tây giáp đất lúa dài 22,5m.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ chị D đã tự nguyện nộp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Về chi phí thẩm định giá: Số tiền chi phí thẩm định giá chị D đã nộp là 9.000.000 đồng. Nay chị D, anh T không thống nhất với nhau về nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định giá nên theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương đương với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Do chị D và anh T đều được chia phần giá trị tài sản bằng nhau nên chị D và anh T đều phải chịu chi phí thẩm định giá bằng

nhau. Chị D, anh T mỗi người phải chịu 4.500.000 đồng chi phí thẩm định giá nên cần buộc anh T phải hoàn trả số tiền 4.500.000 đồng cho chị D.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia được quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị D và anh T đều được hưởng phần giá trị tài sản bằng nhau là 55.800.000 đồng nên đều phải chịu án phí như sau: $55.800.000đ \times 5\% = 2.790.000$ đồng.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 213 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 99 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị D về chia tài sản sau khi ly hôn:

- Giao cho chị Đinh Thị D được quyền sử dụng 90m² đất có giá trị 55.800.000 đồng thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, thửa đất đã được UBND huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khẩn, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, có kích thước các cạnh như sau:

- + Phía Bắc giáp đường dài 4m;
- + Phía Nam giáp thửa đất lúa dài 4m;
- + Phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn D dài 22,5m;
- + Phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn T dài 22,5m.

- Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 90m² đất có giá trị 55.800.000 đồng thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 5 xã Yên Thắng, thửa đất đã được UBND huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 538807 ngày 29/3/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn Khai Khẩn, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, có kích thước các cạnh như sau:

- + Phía Bắc giáp đường dài 4m;
- + Phía Nam giáp thửa đất lúa dài 4m;

- + Phía Đông giáp đất chị Đinh Thị D dài 22,5m;
 - + Phía Tây giáp đất lúa dài 22,5m.
- (có sơ đồ phân chia đất kèm theo)

Chị Đinh Thị D và anh Nguyễn Văn T có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho chị Đinh Thị D chi phí thẩm định giá là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đinh Thị D phải chịu 2.790.000 đồng (hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0006179 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; chị Đinh Thị D còn phải nộp 790.000 đồng (bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 2.790.000 đồng (hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Minh